

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1430/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

NGÀNH : LUẬT KINH TẾ
MÃ NGÀNH : 7380107

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Luật kinh tế**
- Tên tiếng Anh: **Economic Law**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Luật kinh tế
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Economic Law

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. *Mục tiêu tổng quát* (Program general goals)

Đào tạo cử nhân Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt; có sức khỏe, có trình độ và năng lực về chuyên môn để thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc; có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội kiến thức chuyên sâu về pháp luật nói chung và Luật kinh tế nói riêng; có thực tiễn pháp lý về hoạt động kinh doanh; có kỹ năng cơ bản của nghề luật và trong các lĩnh vực liên quan; có năng lực nghiên cứu, tự cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật theo yêu cầu của công việc.

1.2.2. *Mục tiêu cụ thể* (Program specific goals)

PO1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; có kiến thức về pháp luật nói chung và pháp luật về kinh doanh, thương mại nói riêng; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên tắc pháp lý của Luật kinh tế trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

PO2: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc như kỹ năng xử lý công việc hành chính, kỹ năng giải quyết tranh chấp thương

mai, kỹ năng nghề luật, kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật lao động.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển, lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO4: Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO5: Có trình độ tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương, có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực của chuyên môn đào tạo; có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương, sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.

PO6: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

PO7: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật, sức khỏe tốt.

PO8: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số 1418/QĐ-ĐHLDXH ngày 22/7/2022 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Luật kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

	Khối kiến thức và lập luận về ngành	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	22	18,18
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	26	21,48
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	36	29,75
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	25	20,66
1.4.1	Kiến thức kinh tế	8	6,61
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,10

	Khối kiến thức và lập luận về ngành	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.4.3	Tin học	6	4,96
1.5	Kiến thức khác ngành	4	3,31
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,62
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,62
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
	Tổng cộng	121	100

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				22	22					
1.1.1	Các học phần bắt buộc			20	20					
1.1.1.1	NNPL1023H	Lý luận nhà nước và pháp luật	Introduction to State and law	3	3					
1.1.1.2	LUHP1022H	Luật hiến pháp	Constitution Law	2	2					
1.1.1.3	LUHC1023H	Luật hành chính	Administrative Law	3	3				NNPL1023H	
1.1.1.4	LSNN1022H	Lịch sử nhà nước và pháp luật	History of state and law	2	2				NNPL1023H	
1.1.1.5	CPQT1022H	Công pháp quốc tế	Public International Law	2	2				NNPL1023H	
1.1.1.6	TPQT1022H	Tư pháp quốc tế	Private Internation Law	2	2				NNPL1023H	
1.1.1.7	LUHS1023H	Luật hình sự	Criminal Law	3	3				NNPL1023H	
1.1.1.8	TTHS1022H	Luật tố tụng hình sự	Criminal procedure law	3	3				LUHS1023H	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2	2					
1.1.2.1	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	2					
1.1.2.2	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	World civilization history		2					

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi			27	27						
1.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		25	25						
1.2.1.1	LDS11023H	Luật dân sự 1	Civil Law 1	3	3				NNPL1023H	
1.2.1.2	LDS21023H	Luật dân sự 2	Civil Law 2	3	3				LDS11023H	
1.2.1.3	TTDS1023H	Luật tố tụng dân sự	Civil Procedure Law	3	3				LDS21023H	
1.2.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic Law	2	2				NNPL1023H	
1.2.1.5	LUTM1023L	Luật thương mại	Commercial Law	3	3				NNPL1023H	
1.2.1.6	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour Law	2	2				NNPL1023H	
1.2.1.7	LLĐ21022H	Luật lao động nâng cao	Advanced Labour Law	3	3				LLĐO1022H	
1.2.1.8	LUNH1022H	Luật ngân hàng	Banking law	2	2				NNPL1023H	
1.2.1.9	LUĐĐ1022H	Luật đất đai	Land Law	2	2				NNPL1023H	
1.2.1.10	HNGĐ1022H	Luật hôn nhân và gia đình	Law on marriage and family	2	2				NNPL1023H	
1.2.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>		2	2						
1.2.2.1	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labour psychology		2					
1.2.2.2	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ			36	24	2	6	4			

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>				15	13	2			
1.3.1.1	LTKT1022H	Luật thuế và kế toán	Tax and Accounting Law	2	2				NNPL1023H	
1.3.1.2	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	Law on Social issues	2	2				NNPL1023H	
1.3.1.3	TMQT1022H	Luật thương mại quốc tế	International trade Law	2	2				NNPL1023H	
1.3.1.4	SHTT1022H	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual property law	2	2				NNPL1023H	
1.3.1.5	PLBH1023H	Pháp luật về bảo hiểm	Insurance Law	3	3				NNPL1023H	
1.3.1.6	XLCV1022H	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	Administrative working skills	2	2				LUHC1023H	
1.3.1.7	THNL1022T	Thực hành nghề luật	Legal profession practicing			2			NNPL1023H	
1.3.2	<i>Học phần tự chọn (chọn 5/9)</i>				10	10				
1.3.2.1	PLCK1022H	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Stock and stock market Law		2				NNPL1023H	
1.3.2.2	LBĐS1022H	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Real estate business Law	10	2				NNPL1023H	
1.3.2.3	LXNK1022H	Pháp luật về xuất nhập khẩu	Import and export Law		2				NNPL1023H	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.3.2.4	LNTD1022H	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	Legislation on protecting consumer rights		2				NNPL1023H	
1.3.2.5	LTTQ1022H	Pháp luật về thanh toán quốc tế	International payment Law		2				NNPL1023H	
1.3.2.6	LUMT1022H	Luật môi trường	Environmental Law		2				NNPL1023H	
1.3.2.7	GQTC1022H	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	Commercial dispute resolution skills		2				LKT1022H	
1.3.2.8	PHĐ1022H	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	Negotiating and drafting skills		2				LDS21023H LKT1022H	
1.3.2.9	XDVB1022H	Xây dựng văn bản pháp luật	Drafting legal documents		2				NNPL1023H	
1.3.3	TTCK1024T	Thực tập cuối khóa	Final internship	4				4	LLĐO1022H LKT1022H	
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp			6						
1.3.4.1	TVHĐ1022H	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	Consulting skills in Labour contracts		2				LLĐO1022H	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.3.4.2	LUĐT1022H	Luật đầu tư	Investment Law		2				NNPL1023H	
1.3.4.3	LUCT1022H	Luật cạnh tranh	Competition Law		2				NNPL1023H	
1.3.4.4	KLLU1026T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6		LLĐO1022H LKTE1022H	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				25	25					
1.4.1 Kiến thức kinh tế				8	8					
1.4.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.4.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
Học phần tự chọn (chọn 1/2)				2						
1.4.1.3	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	2				ViMO0523H VĩMO0523H	
1.4.1.4	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles		2					
1.4.2 Khoa học chính trị				11	11					
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political	2	2				THML0723H	

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
			Economics							
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2				THML0723H	
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2				TTCM0722H	
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2				THML0723H KTCT0722H	
1.4.3 Tin học				6	6					
1.4.3.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.3.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2				TCB11222H	
1.4.3.3	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				4	4					
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/2)			2	2					
1.5.1.1	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	General knowledge of Vietnamese culture	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology		2					
1.5.2	Học phần tự chọn (chọn 1/2)			2	2					

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.5.2.1	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	3				THML0723H	
1.5.2.2	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General psychology		2					
1.6. Kiến thức đại cương khác				8	8					
1.6.1 Ngoại ngữ				8	8					
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	3	3					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	2	2				TAC10622H	
1.6.1.3	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	English for law	3	3				TAC10622H TAC20623H	
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)										
Các học phần bắt buộc										
1.6.2.1	TĐĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics							
Các học phần tự chọn (2/6 HP)										
1.6.2.2	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1							
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2							
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1							
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2							
1.6.2.6	CAL11421T	Cầu lông 1	Badminton 1							

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	KL	TT		
1.6.2.7	CAL21421T	Cầu lông 2	Badminton 2							
Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe										
1.6.2.8	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1							
1.6.2.9	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2							
1.6.2.10	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3							
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of vietnam communist party							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	National defense and security							
1.6.3.3	QSUC1423L	Quân sự chung	General military							
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics							
Tổng cộng				121	109	2	6	4		

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1	NNPL1023H	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3							
2	LUHP1022H	Luật hiến pháp	2	2							
3	LUHC1023H	Luật hành chính	3		3						
4	LSNN1022H	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			2					
5	CPQT1022H	Công pháp quốc tế	2				2				
6	TPQT1022H	Tư pháp quốc tế	2							2	
7	LUHS1023H	Luật hình sự	3				3				
8	TTHS1022H	Luật tố tụng hình sự	3					3			
9	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	2				2				
10	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	2								
11	LDS11023H	Luật dân sự 1	3			3					
12	LDS21023H	Luật dân sự 2	3				3				
13	TTDS1023H	Luật tố tụng dân sự	3					3			
14	LKTE1022H	Luật kinh tế	2			2					
15	LUTM1023L	Luật thương mại	3					3			
16	LLĐO1022H	Luật lao động	2				2				
17	LLĐ21022H	Luật lao động nâng cao	3						3		
18	LUNH1022H	Luật ngân hàng	2				2				
19	LUĐĐ1022H	Luật đất đai	2							2	
20	HNGĐ1022H	Luật hôn nhân và gia đình	2							2	
21	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2				2				
22	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2								
23	LTKT1022H	Luật thuế và kế toán	2					2			
24	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2					2			
25	TMQT1022H	Luật thương mại	2						2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
		quốc tế									
26	SHTT1022H	Luật sở hữu trí tuệ	2							2	
27	PLBH1023H	Pháp luật về bảo hiểm	3							3	
28	XLCV1022H	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	2							2	
29	THNL1022T	Thực hành nghề luật	2							2	
30	PLCK1022H	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2								
31	LBĐS1022H	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2								
32	LXNK1022H	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2								
33	LNTD1022H	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	2								
34	LTTQ1022H	Pháp luật về thanh toán quốc tế	2								
35	LUMT1022H	Luật môi trường	2								
36	GQTC1022H	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	2								
37	PHĐ1022H	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2								
38	XDVB1022H	Xây dựng văn bản pháp luật	2								
39	TTCK1024T	Thực tập cuối khóa	4								4
40	TVHĐ1022H	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	2								6
41	LUĐT1022H	Luật đầu tư	2								
42	LUCT1022H	Luật cạnh tranh	2								
43	KLLU1026T	Khóa luận tốt	6								6

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
		nghiep									
44	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		3						
45	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3			3					
46	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	2				2				
47	MARC0522H	Marketing căn bản	2								
48	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3	3							
49	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		2						
50	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
51	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
52	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2						2		
53	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2	2							
54	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		2						
55	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2			2					
56	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2								
57	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		2						
58	LOGI0722L	Logic học	2								
59	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2			2					
60	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
61	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
62	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3					3			
63	TĐĐK1421T	Thể dục - Điền kinh									
64	BOC11421T	Bóng chuyền 1									

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
65	BOC21421T	Bóng chuyền 2									
66	BOR11421T	Bóng rổ 1									
67	BOR21421T	Bóng rổ 2									
68	CAL11421T	Cầu lông 1									
69	CAL21421T	Cầu lông 2									
70	COV11421L	Cờ vua 1									
71	COV21421L	Cờ vua 2									
72	COV31421L	Cờ vua 3									
73	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam									
74	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh									
75	QSUC1423L	Quân sự chung									
76	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật									
		Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	121	14	15	16	18	16	17	15	10

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

1. Lý luận nhà nước và pháp luật

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước, Những vấn đề cơ bản về pháp luật, Ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2. Luật hiến pháp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức cơ bản: những vấn đề lý luận cơ bản về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp; Chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, chính sách đối ngoại, an ninh, quốc phòng; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ bầu cử; Những vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

3. Luật hành chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Luật hành chính cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật hành chính; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; thủ tục hành chính; quyết định hành chính; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.

4. Lịch sử nhà nước và pháp luật

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Lịch sử nhà nước và pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật qua từng giai đoạn lịch sử của nhân loại. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của nhà nước và pháp luật từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại như: cơ sở hình thành và phát triển của các nhà nước phương Tây và phương Đông, các đặc trưng cơ bản, đặc điểm của từng kiểu nhà nước, quy luật sự phát triển các nhà nước và pháp luật...

5. Công pháp quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Công pháp quốc tế (Luật quốc tế) cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biên quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế...

6. Tư pháp quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tư pháp quốc tế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của tư pháp quốc tế như xung đột pháp luật; chủ thể tư pháp quốc tế; giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế.

7. Luật hình sự

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tội phạm, Cấu thành tội phạm, Các giai đoạn thực hiện tội phạm, Đồng phạm, Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, Trách nhiệm hình sự và hình phạt, Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp, Một số tội phạm cụ thể thường gặp.

8. Luật tố tụng hình sự

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần gồm các nội dung sau: Quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

9. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

10. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Lịch sử văn minh thế giới cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người; Điều kiện hình thành nền văn minh; Trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; Lịch sử thành lập và cấu trúc của Nhà nước; Những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; Khái niệm văn minh và văn hóa, những nét khái quát trong tiến trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, sự vận dụng vào quá trình hội nhập các trào lưu văn minh thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

11. Luật dân sự 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần tập trung vào các vấn đề lớn: Khái quát chung Luật dân sự Việt Nam, Quan hệ pháp luật dân sự, Giao dịch dân sự, Đại diện, Thời hạn và thời hiệu, Tài sản và quyền sở hữu, Thừa kế.

12. Luật dân sự 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần tập trung vào các vấn đề lớn sau: Khái quát chung về nghĩa vụ dân sự; Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; Hợp đồng dân sự; Nghĩa vụ ngoài hợp đồng; Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

13. Luật tố tụng dân sự

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần tập trung vào các vấn đề lớn: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Dân sự Việt Nam; thẩm quyền của toà án nhân dân ; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu; án phí, lệ phí và chi phí tố tụng; thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà án cấp sơ thẩm; thủ tục giải quyết vụ án

dân sự tại toà án cấp phúc thẩm; thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật; thủ tục giải quyết việc dân sự; thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và quyết định của Trọng tài nước ngoài; thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự; xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng, khiếu nại và tố cáo trong tố tụng dân sự.

14. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

15. Luật thương mại

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Pháp luật về mua bán hàng hoá, Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại, Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại, Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại, Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại, Pháp luật về dịch vụ logistics, Pháp luật về đấu giá hàng hoá, Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ, Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác, Chế tài thương mại.

16. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

17. Luật lao động nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần gồm tập trung vào các vấn đề chính sau: Cho thuê lại lao động, Lao động đặc thù, Lao động giúp việc gia đình, Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

18. Luật ngân hàng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề lý luận về ngân hàng và luật ngân hàng, Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng, Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín

dụng, Pháp luật về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, Pháp luật về dịch vụ thanh toán, Pháp luật về hoạt động ngoại hối.

19. Luật đất đai

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai; Một số vấn đề lý luận cơ bản của sở hữu toàn dân về đất đai; vấn đề củng cố và hoàn thiện chế độ sở hữu toàn dân về đất đai trong nền kinh tế thị trường; Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chính sách tài chính về đất đai, giá đất và chế độ pháp lý về sử dụng đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; Thanh tra đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.

20. Luật hôn nhân và gia đình

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết và cơ bản trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình như vấn đề kết hôn, ly hôn, cấp dưỡng, nuôi con nuôi, kết hôn, ly hôn có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập đến những lĩnh vực cụ thể chi tiết, có ý nghĩa đối với thực tế cuộc sống như: điều kiện để được kết hôn, thế nào là kết hôn trái pháp luật, tài sản của vợ chồng trong và sau hôn nhân, điều kiện được nuôi con nuôi, vấn đề cấp dưỡng cho con sau khi cha mẹ ly hôn...

21. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau về tâm lý con người trong hoạt động lao động, những vấn đề trong công tác hướng nghiệp, những hiểu biết về các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong tập thể lao động; Khả năng làm việc của con người và những điểm cần chú ý khi xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, bầu không khí tâm lý trong lao động và các yếu tố an toàn trong lao động; Các phương pháp quản lý, lãnh đạo trong tập thể.

22. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

23. Luật thuế và kế toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các nhóm vấn đề chính sau: Khái quát chung về pháp luật thuế; Pháp luật về một số nhóm thuế cơ bản; Những vấn đề cơ bản của pháp luật về kế toán; Xử lý vi

phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế và kế toán.

24. Pháp luật về các vấn đề xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung Pháp luật về các vấn đề xã hội; Pháp luật về lao động, việc làm; Pháp luật về người có công với cách mạng; Pháp luật về phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật; Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép.

25. Luật thương mại quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của thương mại quốc tế như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, vấn đề bảo vệ môi trường, dịch vụ vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hóa bằng vận tải đường biển quốc tế, giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế.

26. Luật sở hữu trí tuệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức luật sở hữu trí tuệ bao gồm: Quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng mới; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; các công ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam có tham gia.

27. Pháp luật về bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần gồm các nhóm vấn đề chính sau: Khái quát chung về bảo hiểm và pháp luật về bảo hiểm; Pháp luật về bảo hiểm xã hội; Pháp luật về bảo hiểm y tế; Pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp; Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

28. Kỹ năng xử lý công việc hành chính

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề chung về kỹ năng xử lý công việc hành chính, Kỹ năng xử lý một số công việc hành chính thông thường, Kỹ năng giao tiếp trong công việc hành chính.

29. Thực hành nghề luật

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung vào hướng dẫn sinh viên thực hành tại cơ sở hành nghề luật về các nội dung: Tư vấn pháp luật; Xét xử và kiểm sát; Các nghề hỗ trợ như công chứng, thừa phát lại, kiểm định, trọng tài ...

30. Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung vào các vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán, về chào bán chứng khoán, tổ chức thị trường chứng khoán, chủ thể kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về kinh doanh chứng khoán, về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

31. Pháp luật về kinh doanh bất động sản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quy định của pháp luật Việt Nam về đối tượng, phạm vi và điều kiện đầu tư, kinh doanh bất động sản; cung cấp các quy định về điều kiện, nội dung, quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong kinh doanh bất động sản; cung cấp các quy định về nội dung và hình thức của những loại hợp đồng kinh doanh bất động sản.

32. Pháp luật về xuất nhập khẩu

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái niệm, đối tượng và phạm vi áp dụng pháp luật xuất nhập khẩu; Các hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu; Hệ thống hải quan trên thế giới và Việt Nam; Các loại hợp đồng là phương tiện để thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, được điều chỉnh chặt chẽ và cụ thể bởi các quy định pháp luật; Hệ thống các loại chứng từ sử dụng trong hoạt động xuất nhập.

33. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

34. Pháp luật về thanh toán quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề, quy định cơ bản về quản lý ngoại hối và tỷ giá hối đoái; Những phương tiện thanh toán quốc tế được sử dụng phổ biến và những quy định trong nước và quốc tế có liên quan; Những phương thức thanh toán quốc tế và quy trình thực hiện theo quy định của pháp luật, tập quán và thông lệ quốc tế.

35. Luật môi trường

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung của học phần này bao gồm những vấn đề mang tính tổng quan về luật môi trường như khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của Luật Môi trường, chính sách môi trường... Những vấn đề liên quan đến pháp luật Việt Nam về môi trường như: Pháp luật về đánh giá hiện trạng và ảnh hưởng môi trường; pháp luật về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; pháp luật về vệ sinh môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên...; Những vấn đề liên quan đến luật quốc tế về môi trường.

36. Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung vào các vấn đề chính sau: Khái quát về kỹ năng giải quyết tranh chấp trong thương mại, Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức thương lượng, Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức hoà giải, Kỹ năng giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại, Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại tại toà án.

37. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Đàm phán, soạn thảo hợp đồng là học phần mang tính thực hành. Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng đàm phán và soạn thảo về hợp đồng trong dân sự, hợp đồng trong thương mại và hợp đồng lao động.

38. Xây dựng văn bản pháp luật

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về văn bản pháp luật; Kỹ thuật xây dựng văn bản; Soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình.

39. Thực tập cuối khoá

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này giúp cho sinh viên có kiến thức thực tiễn về việc thực hiện các lĩnh vực pháp luật về kinh doanh, lao động, tài chính, đất đai, môi trường... tại đơn vị thực tập cũng như tình hình về đơn vị thực tập như: lịch sử hình thành; chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động; loại hình, bộ máy tổ chức; đội ngũ cán bộ, nhân viên, người lao động.

40. Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tư vấn hợp đồng trong lao động là học phần mang tính thực hành nghề nghiệp. Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng tư vấn về hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng thử việc; hợp đồng lao động; hợp đồng cho thuê lại lao động và hợp đồng; Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

41. Luật đầu tư

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Những vấn đề chung về luật đầu tư; pháp luật về thủ tục đầu tư; pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

42. Luật cạnh tranh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Luật Cạnh tranh nghiên cứu các nội dung sau: Khái quát về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Thị trường và thị phần; Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, tập trung kinh tế; Cạnh tranh không lành mạnh; Tố tụng cạnh tranh; Xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

43. Khoá luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành luật kinh tế đã được học để vận dụng vào thực tiễn.

44. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hoá dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường; Thất bại thị trường và vai trò của Chính phủ.

45. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại, cán cân thanh toán, tỷ giá...

46. Quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; các loại hình doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; quản trị sản xuất và công nghệ trong doanh nghiệp; quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp; quản trị nhân lực trong doanh nghiệp; quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

47. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: kiến thức cơ bản nhất về

marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của marketing trong xu thế toàn cầu, môi trường và thông tin về marketing; đặc tính và hành vi của khách hàng, phân loại thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hoá trên thị trường; bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

48. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

49. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác -Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

50. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người..

51. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá

độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Nội dung của học phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

52. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

53. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

54. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

55. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

56. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương

ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

57. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

58. Logic học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

59. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

60. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

59. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

61. Tiếng Anh chuyên ngành Luật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản trong ngành luật như luật doanh nghiệp, luật lao động, luật bảo trợ xã hội, luật cạnh tranh, luật thương mại...

62. Thẻ đục - Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về: Bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao

63. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

65. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

67. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

68. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái

69. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.

Một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản: Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1 Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

71. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

72. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

73. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

74. Quân sự chung

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

75. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng